

QUAN HỆ QUỐC TẾ

CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH SỨC MẠNH TỔNG HỢP QUỐC GIA

TSKH. Lương Văn Kế

Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV - Hà Nội

1. Sự cần thiết của nghiên cứu sức mạnh tổng hợp quốc gia

Việc nghiên cứu *sức mạnh tổng hợp quốc gia* (Overall National Strength/Comprehensive National Power, viết tắt là CNP) đã có từ lâu trên thế giới, nhưng để nó trở thành một lý thuyết có tính hệ thống thì chỉ mới rõ rệt từ cuối thế kỷ XIX ở Phương Tây. Từ những thập niên 60 và 70 của thế kỷ XX, việc nghiên cứu sức mạnh tổng hợp quốc gia chuyển sang một giai đoạn mới - nghiên cứu theo *phương pháp định lượng*, - và nó ngày càng trở thành một đề tài trọng yếu đối với các nhà chính trị, các chiến lược gia và các chuyên gia nghiên cứu quốc tế, quân sự và an ninh. Những người có đóng góp quan trọng vào nghiên cứu lý thuyết sức mạnh tổng hợp quốc gia là K. Knorr, W. Fucks (Đức), C. German, R. Kline, A. Tellis, M. Porter (Mỹ), Hoàng Thạch Phong, Vương Tung Phan, Hồ An Cường (Trung Quốc) v.v... Hiện nay, việc nghiên cứu sức mạnh quốc gia được các nhà nghiên cứu Trung Quốc (CHND Trung Hoa) hết sức quan tâm. Họ đã đưa ra nhiều lý thuyết độc đáo. Khái niệm sức mạnh tổng hợp quốc gia của họ tuy có gốc gác từ Phương Tây, nhưng không đồng nhất với khái niệm quyền lực chính trị (political power) truyền thống của Phương Tây,² khác với quan điểm của chủ

nghĩa Marx-Lenin, và cũng không giống với tư tưởng truyền thống những năm 70 thế kỷ XX trở về trước của bản thân họ.³

Tại sao nghiên cứu quốc tế phải nghiên cứu sức mạnh quốc gia của các nước? Một trong những mục đích nghiên cứu khu vực chính là phục vụ cho hoạch định chính sách quan hệ quốc tế, chiến lược an ninh quốc phòng của đất nước. Sự hiểu biết về đối phương và đối tác luôn luôn là nền tảng cho các quyết định chiến lược của nhà nước và doanh nghiệp. Lịch sử phát triển của nghiên cứu khu vực quốc tế, đặc biệt là ở Mỹ, đem đến cho người ta kinh nghiệm nghiên cứu phục vụ mục đích tình báo và an ninh, quốc phòng, ngoại giao và phục vụ phát triển kinh tế. Điều đó lại càng đặc biệt cần thiết một khi có những căng thẳng và khủng hoảng trong quan hệ quốc tế, trong an ninh toàn cầu và khu vực cũng như trong thời đại tự do hoá thương mại và toàn cầu hoá về mọi mặt ngày nay.

Việt Nam là một quốc gia có diện tích lãnh thổ cỡ trung bình (trên 300 nghìn km²) và dân số khá cao (trên 80 triệu). Đây là những điều kiện "cứng" cơ bản về mặt địa-chính trị để có thể trở thành một cường quốc. Thế nào là một cường quốc? Có nhất thiết rằng một nước giàu thì bao giờ cũng là một cường quốc không? Và ngược lại, một

nước không giàu không thể là một cường quốc? Rõ ràng ở đây cần phân biệt hai khái niệm *nước giàu* và *nước mạnh*. Giữa chúng có tương quan phụ thuộc lẫn nhau nhưng không phải là đồng nhất. Bởi vì khái niệm *nước mạnh* là một khái niệm tổng hợp. Đây là điều chúng ta cần tìm hiểu.

Bài viết này giới thiệu những cơ sở lý thuyết của việc xác định sức mạnh tổng hợp quốc gia và phân tích các yếu tố cơ bản tạo thành sức mạnh tổng hợp quốc gia trên cơ sở tổng hợp các quan điểm của các học giả nước ngoài.

2. Khái niệm sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Các học giả Phương Tây thường sử dụng khái niệm *thực lực quốc gia* (National Power) theo nghĩa năng lực chiến lược (Strategic Capabilities) mà chủ thể quốc gia huy động nguồn lực tổng hợp (Overall Resources) để tác động vào đối phương. Nó là tiêu chí quan trọng nhất để một mặt đánh giá tình hình cơ bản của một quốc gia; mặt khác để đánh giá thực lực từng phương diện của sức mạnh đó như: thực lực kinh tế, thực lực chính trị, thực lực quân sự, thực lực khoa học kỹ thuật. Vậy là hình thành hai cách gọi sức mạnh tổng hợp quốc gia: sức mạnh tổng hợp quốc gia và thực lực quốc gia, trong đó tên gọi sức mạnh tổng hợp quốc gia có lẽ đầy đủ và toàn diện hơn.⁴ Có nhiều cách định nghĩa sức mạnh tổng hợp quốc gia, nhưng chúng ta có thể đưa ra một cách hiểu khái quát như sau:

Sức mạnh tổng hợp quốc gia là toàn bộ thực lực bảo đảm sự tồn tại, phát triển và nâng cao vị thế của một quốc gia trong quan hệ quốc tế, bao gồm các nhân tố vật chất (phần cứng, như tài nguyên, dân số, kinh tế, quân sự), các nhân tố tinh thần (phần mềm,

như chất lượng chính phủ, thể chế chính trị). Định nghĩa này một mặt chỉ ra các công năng của sức mạnh quốc gia, mặt khác chỉ ra cấu trúc của sức mạnh tổng hợp đó (các yếu tố và cách thức tổ chức để tạo ra tổng thể sức mạnh quốc gia).

3. Các yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia

Mỗi quốc gia là một thực thể đa chiều phức tạp, gồm hàng loạt các yếu tố tự nhiên và xã hội, vật chất và tinh thần. Không nhất thiết cứ đất rộng dân đông giàu tài nguyên là có sức mạnh; và ngược lại, không phải cứ nước nhỏ dân ít và kinh tế chưa thật phát triển là không có sức mạnh. Bởi vì các nhân tố tạo nên sức mạnh quốc gia không phải là phép tính cộng giản đơn, mà còn là cách thức kết hợp các yếu tố đó lại với nhau. Trong gần 30 năm cải cách vừa qua, Trung Quốc đã nhanh chóng nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia của mình và làm thay đổi cán cân sức mạnh trên thế giới, trước hết là ở Châu Á - Thái Bình Dương.⁵ Nghiên cứu sức mạnh tổng hợp quốc gia cần đề cập đến hai vấn đề: (1) các yếu tố hay các phương diện của sức mạnh quốc gia, (2) cách thức tính toán sức mạnh quốc gia (lượng hoá, thể hiện qua các công thức, tỉ lệ v.v...).

Theo phân tích của các nhà nghiên cứu chính trị quốc tế, sức mạnh tổng hợp quốc gia có thể bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, tùy theo quan điểm của nhà nghiên cứu và cũng tùy thuộc vào tính chất của thời đại (tính lịch sử). Nhưng dù thế nào thì sức mạnh tổng hợp của một quốc gia cũng có ít nhất 5 yếu tố. Thông thường giới nghiên cứu nói đến những yếu tố cơ bản sau đây: *lãnh thổ, dân cư, thực lực kinh tế, trình độ giao thông - liên lạc, chất lượng của chính phủ, sức mạnh quân*

sự, quan hệ ngoại giao. Những yếu tố cơ bản đó có thể chia làm hai nhóm: nhóm các yếu tố “cứng” (vật chất) bao gồm (lãnh thổ, kinh tế, giao thông - liên lạc, quân sự, và nhóm các yếu tố “mềm” (tinh thần) như: chất lượng chính phủ (thể hiện qua năng lực quyết sách), sự nhất trí ủng hộ của nhân dân (đối với chính sách/ chiến lược), trình độ khoa học kỹ thuật (dân trí). *Sức mạnh cứng* (hard power) là một thuật ngữ được dùng trong lý luận quan hệ quốc tế để mô tả tác động của sức mạnh quân sự và kinh tế dùng để chống lại hành vi hoặc lợi ích của các thực thể chính trị khác. Còn *sức mạnh mềm* (soft power) dùng để chỉ tác động tăng cường sức mạnh nhờ ý thức hệ, hoạt động ngoại giao, truyền thống lịch sử và bản sắc văn hoá của quốc gia. Khái niệm *sức mạnh mềm* được nhà nghiên cứu chính trị Đại học Havard - giáo sư Joseph Nye⁶ đưa ra lần đầu tiên trong công trình mang tên “*Bound to Lead: The Changing Nature of American Power (Phải dẫn đầu: Bản chất luôn biến đổi của sức mạnh Mỹ)*”. Ông đã tiếp tục phát triển tư tưởng đó trong công trình năm 2004 mang tên *Soft Power: The Means to Success in World Politics* (Sức mạnh mềm: Phương cách dẫn tới thành công trong nền chính trị thế giới).⁷

Tuy nhiên cách phân thành hai nhóm chỉ là tương đối. Bản thân sự phân loại đó có những hạn chế nhất định, vì có những yếu tố vừa là vật chất vừa là tinh thần, như dân cư, chính phủ, quân sự, khoa học kỹ thuật. Dưới đây sẽ phân tích những yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia.

a) Lãnh thổ: Sức mạnh quốc gia có quan hệ gắn bó với hoàn cảnh không gian địa lý, bởi vì lãnh thổ là

điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của quốc gia. Nhân tố lãnh thổ ảnh hưởng đến sức mạnh tổng hợp quốc gia trên các khía cạnh sau đây: (1) vị trí địa lý (vị trí địa lý tự nhiên, vị trí địa lý giao thông, vị trí địa lý quốc phòng), (2) diện tích lãnh thổ, (3) địa hình địa mạo, (4) tài nguyên thiên nhiên.

Vị trí địa lý bao gồm gồm các phương diện *vị trí địa lý tự nhiên* (toạ độ), *vị trí giao thông* và *vị trí quốc phòng*. Nói vị trí địa lý quan trọng đối với sức mạnh quốc gia là vì trong cuộc cạnh tranh quốc tế giữa các cường quốc hay giữa các khối quân sự, thì các nước nằm ở tâm điểm tranh chấp vị trí chiến lược đều trở thành điểm nóng, vì nó có giá trị chiến lược đối với cả hai bên. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng vị trí địa lý quốc phòng không phải bao giờ cũng có giá trị ngang nhau, mà nó còn tùy thuộc vào tình hình quan hệ quốc tế, điều kiện giao lưu và những biến đổi về khoa học công nghệ. Ví dụ Ai Cập và Panama vốn dĩ chẳng có vị trí chiến lược ghê gớm lắm, nhưng kể từ khi hoàn thành hai con kênh đào Suez và Panama, thì hai nước đã trở thành điểm xung yếu huyết mạch của hệ thống giao thông quốc tế. Cũng phải thấy rằng có những vùng đất vốn dĩ chẳng có giá trị gì trước đây, thì nay đang ngày càng trở nên có giá trị chiến lược, ví dụ Bắc cực, Nam cực, thậm chí Mặt trăng hay hành tinh xa xôi khác. Đó là do trình độ phát triển ngày càng cao của khoa học công nghệ và sự khan hiếm nguyên liệu sản xuất của các nước phát triển.

Riêng trường hợp Việt Nam, các hải cảng dọc bờ biển, nhất là ở miền Trung, cũng như dải Trường Sơn đều được xem là những hành lang chiến lược cho toàn bộ bán đảo Đông Dương, cho cả khu vực Đông Nam Á và Biển Đông. Bởi vì hai hành lang trong đó

một *chạy dọc bờ biển* theo trục Bắc-Nam và một hành lang *chạy ngang trên lục địa* theo trục Đông-Tây là vị trí lí tưởng để thiết lập quyền kiểm soát con đường xuyên đại dương nối Châu Âu với Đông Á, và chiều kia là con đường bộ xuyên Á từ Ấn Độ, qua Myanmar, Thái Lan, Lào, Việt Nam, sang đến Trung Quốc, Nga và Châu Âu. Do đó cũng dễ hiểu việc gần đây đã hình thành các dự án giao thông xuyên Á (xe lửa và đường bộ), các hiệp định/qui tắc về ứng xử ở Biển Đông năm 2002, hay là việc các cường quốc xung quanh tỏ ý muốn hợp tác với Việt Nam để khai thác các cảng biển Cam Ranh, Đà Nẵng v.v...

Diện tích lãnh thổ là yếu tố quan trọng của tiềm năng sức mạnh quốc gia. Về nguyên tắc, diện tích càng rộng bao nhiêu, sức mạnh của quốc gia đó càng lớn bấy nhiêu. Bởi vì, *trước hết* có thể nói, nếu diện tích rộng thì điều kiện tiến hành sản xuất để tồn tại và phát triển của quốc gia đó sẽ thuận lợi hơn. Diện tích càng to thì sản vật càng nhiều. *Thứ hai*, diện tích lãnh thổ rộng tạo điều kiện thuận lợi to lớn cho quốc phòng. Trong thời bình, diện tích rộng cho phép quốc gia bố trí triển khai cơ cấu công nghiệp, căn cứ quân sự, lực lượng quân sự và các giải pháp quốc phòng khác được dễ dàng. Tuy nhiên, giá trị của lãnh thổ không chỉ thuần túy dựa trên mức độ rộng hẹp, mà còn phải dựa vào cả các điều kiện khí hậu, thời tiết, tài nguyên nữa.

Địa hình địa mạo là một yếu tố của lãnh thổ. Nó biểu thị hình thái tự nhiên của quốc gia và có ảnh hưởng quan trọng đến sức mạnh quốc phòng, chẳng hạn nó quyết định việc một nước nào đó dễ bố trí phòng thủ hay dễ bị tấn công. Những nước có núi cao rừng rậm sông nhiều, thì thích hợp

với hoạt động phòng thủ và khó triển khai tiến công, còn nước có đồng bằng nhiều thì chắc chắn dễ bị tấn công. Các quốc gia hải đảo hoặc ven biển với nhiều quần đảo nhỏ, bờ biển dốc đứng, có nhiều hải cảng đẹp (Việt Nam là một ví dụ) thì sẽ dễ bố trí phòng thủ. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ sở dĩ thất bại, có một nguyên nhân quan trọng là địa hình đã khiến cho các phương tiện cơ giới hiện đại khó triển khai, vũ khí công nghệ cao của Mỹ cũng không phát huy được tác dụng; nhưng lại tạo điều kiện cho hoạt động bao vây, đánh du kích của lực lượng Việt Nam để tiêu hao sinh lực địch và vẫn bảo toàn được lực lượng. Trái lại, trong cuộc chiến Iraq sở dĩ quân đội Mỹ và đồng minh nhanh chóng tiêu diệt quân đội Iraq, chiếm lĩnh toàn bộ lãnh thổ, một phần quan trọng là vì địa hình Iraq chủ yếu là bình nguyên và sa mạc bằng phẳng, thích hợp cho việc tiến công bằng vũ khí công nghệ cao và phương tiện cơ giới hiện đại của Mỹ. Địa hình ven biển cũng khiến cho hải quân Mỹ triển khai được lực lượng tàu sân bay và tên lửa cũng như đổ bộ quân lên lãnh thổ dễ dàng (ví dụ, địa hình cảng Cam Ranh của Việt Nam được xem là một trong vài hải cảng lí tưởng trên thế giới). Tuy nhiên không nên tuyệt đối hoá vai trò của địa hình địa mạo, mà phải sáng suốt nhận thức rằng, tuy địa hình địa mạo là cái bất biến, nhưng trong quá trình sản xuất, phát triển kinh tế, sức mạnh quốc phòng cũng biến đổi theo, đặc biệt là dựa trên trình độ khoa học công nghệ và vũ khí, trang thiết bị quân sự.

Tài nguyên thiên nhiên là một nhân tố có ảnh hưởng trọng yếu và tương đối ổn định đối với sức mạnh tổng hợp quốc gia. Nguồn sức mạnh này có thể tính toán được. Tài nguyên

thiên nhiên bao gồm đất đai, khoáng sản, điện năng, rừng, biển. Quan trọng nhất trong số tài nguyên là nguồn điện năng, dầu lửa và khí đốt, kim loại, nước, các nguyên tố quý hiếm phục vụ công nghệ quân sự. Do tầm quan trọng sống còn của tài nguyên đối với phát triển quốc gia, nên lịch sử xung đột và chiến tranh giữa các quốc gia cũng đều xoay quanh việc tranh đoạt tài nguyên. Chủ nghĩa thực dân là hậu quả của chính sách vơ vét tài nguyên của chủ nghĩa tư bản Phương Tây. Cuộc đối đầu giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ trong Chiến tranh Lạnh cũng có nguyên nhân từ mục đích khống chế nguồn lực thiên nhiên (ví dụ, dầu lửa ở Trung Đông và Trung Á).

b) Dân số cũng đóng một vai trò quan trọng trong sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Thậm chí chỉ riêng dân số đông thôi cũng dễ gây được sự chú ý của quốc tế, ví dụ như Ấn Độ. Tuy nhiên khái niệm dân số không chỉ bao gồm số lượng nhiều hay ít, mà còn bao gồm các khía cạnh chất lượng dân số, cơ cấu dân số v.v... Nhà nghiên cứu Mỹ R. Kline cũng cho rằng phải có một số lượng dân số đông đến một mức nhất định thì mới có thể bảo đảm cho quốc gia an toàn và phát triển, bởi vì muốn phát triển sản xuất thì cần có lực lượng lao động, muốn có quân đội và chiến đấu lâu dài thì cần phải có người trở thành quân nhân. Tuy nhiên, nếu dân số quá đông, vượt quá mức chịu đựng của trình độ kinh tế và nguồn tài nguyên thì sẽ dẫn đến bất lợi, ảnh hưởng tiêu cực đến an nguy của quốc gia. Dân cư của quốc gia có nhiều dân tộc và sắc tộc cũng như đa tôn giáo cũng dễ gây bất lợi cho sức mạnh quốc gia, vì nội bộ nhân dân không đồng nhất về văn hoá, ngôn ngữ, tín ngưỡng, về phong tục tập quán và về thang giá trị cuộc sống. Điều đó dễ dẫn đến mất

đoàn kết và xung đột, dẫn đến chủ nghĩa ly khai. Tình hình sẽ càng trở nên trầm trọng khi khủng hoảng kinh tế và chính trị trong nước có sự can thiệp của nước ngoài.

c) Thực lực kinh tế là một yếu tố cấu thành cơ bản nhất của sức mạnh tổng hợp quốc gia. Cuộc ganh đua thắng bại giữa các quốc gia và địa vị của quốc gia trong bàn cờ chiến lược thế giới trong tương lai căn bản đều được quyết định bởi tương lai thực lực kinh tế của quốc gia đó. Sự giàu có luôn luôn có sức nặng: Trong hoà bình xây dựng, nó có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình chính trị quốc tế. Trong thời chiến, nó có thể nhanh chóng chuyển hoá thành sức mạnh quân sự. Chiến tranh hiện đại đòi hỏi hậu thuẫn ngày càng lớn của kinh tế. Nếu không có sự hùng mạnh kinh tế, thì ngay cả một siêu cường cũng khó lòng phát triển lực lượng quốc phòng hiện đại để đảm đương nổi một cuộc chiến tranh hiện đại. Vì thế mọi quốc gia đều cố gắng nắm lấy thời cơ thúc đẩy kinh tế mạnh mẽ để giành lấy địa vị có lợi nhất trong cuộc cạnh tranh sức mạnh toàn cầu. Nền kinh tế tạo ra sức mạnh quốc gia không phải chỉ tính trên *tổng thu nhập quốc dân*, mà phải bao gồm cả một *cơ cấu kinh tế hợp lý*: sức sản xuất cao cả ở nền nông nghiệp, công nghiệp dân dụng và công nghiệp quốc phòng, trong đó sức sản xuất công nghiệp là nền tảng.

Tóm lại, vai trò then chốt của kinh tế đối với sức mạnh quốc gia thể hiện ở chỗ: (1) Kinh tế hậu thuẫn cho *xây dựng nền quốc phòng* hùng mạnh; (2) Chiến tranh hiện đại là cuộc đọ sức về tiềm lực kinh tế. Chỉ với tiềm lực kinh tế hùng hậu thì quốc gia tham chiến mới có đủ chiến phí và có thể giành chiến thắng;⁸ (3) Thực lực kinh tế quốc gia đã là nhân tố bảo đảm một vị

trí quốc tế xứng đáng cho nước đó; (4) thực lực kinh tế bảo đảm năng lực cạnh tranh quốc tế của một nước.

d) Giao thông - liên lạc bao gồm hai lĩnh vực chủ yếu là giao thông vận tải và thông tin liên lạc. Đối tượng lưu thông của hệ thống hạ tầng này là con người, hàng hoá và tin tức. Nếu ví quốc gia như một cơ thể thì giao thông vận tải là các hệ thống tuần hoàn, và thông tin liên lạc là hệ thống thần kinh. Do đó công tác này quan trọng cả trong thời bình lẫn thời chiến bởi chúng quyết định sự sống còn của hệ thống kinh tế - xã hội và chỉ đạo chiến tranh. Trong thời đại của xã hội thông tin công nghệ cao, thì giao thông - liên lạc thể hiện trình độ phát triển và sự giàu có của quốc gia, đồng thời cũng là hệ thống hạ tầng bảo đảm cho nền quốc phòng hiện đại. Trong cuộc chiến Vùng Vịnh năm 1990 và 2003, sở dĩ trong vòng hơn mười ngày đã có thể vận chuyển hàng chục vạn quân sĩ và một khối lượng binh khí thiết bị khổng lồ đến đó và triển khai một cuộc chiến qui mô khá lớn đều là nhờ vào lực lượng vận tải đường không và đường biển hiện đại. Mỹ không chỉ sử dụng hệ thống thông tin quân sự, hệ thống truyền tải thông tin chiến thuật liên hợp và các hệ thống thông tin vô tuyến mặt đất và hàng không, mà còn sử dụng hệ thống vệ tinh tình báo quốc phòng và hệ thống thông tin chiến hạm. Những phương tiện thông tin hiện đại ấy đã bảo đảm ổn định và thông suốt thông tin và tình báo giữa trong nước và các lực lượng hải, lục, không quân, các bộ tư lệnh thuộc các cấp khác nhau. Đồng thời Mỹ còn triển khai các chiến thuật chiến tranh điện tử để gây nhiễu, chế áp, làm tiêu hao hoặc huỷ diệt hệ thống thông tin của đối phương, khiến cho việc thông tin tình báo và phối hợp chỉ huy của đối phương không thể thực hiện được. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn

đến thất bại nhanh chóng của đối phương. Trong khi đó, cuộc tấn công và chiếm đóng của Liên Xô ở Afghanistan cuối thập niên 70 sở dĩ thất bại một phần là do bảo đảm giao thông kém. Afghanistan không có lấy một cây số đường sắt nào, đường ô tô cũng rất tệ (chỉ có hai tuyến quốc lộ), địa hình thì núi non trùng trùng điệp điệp và sa mạc nóng bỏng gây trở ngại to lớn cho việc chuyển quân và trang thiết bị cũng như chiến thuật cơ giới hoá của quân Liên Xô. Rồi quân du kích Taliban lại liên tục khống chế các tuyến giao thông ít ỏi đó, buộc Liên Xô phải dùng đến 80% số quân chiếm đóng để bảo vệ các con đường giao thông và giữ an toàn cho chúng. Do đó cuộc chiến hiện đại cũng được xem là cuộc chiến về hậu cần hay cuộc chiến kinh tế.

e) Chính phủ là cơ quan thực hiện việc tổ chức quản lý toàn diện quốc gia và cũng là trung tâm sử dụng quyền lực quốc gia. Các yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia có phát huy được hiệu quả hay không, trên cơ bản là nhờ vào **chất lượng của chính phủ**. Điều này càng đặc biệt đúng đối với các quốc gia theo mô hình tập trung quyền lực (tương phản với mô hình phân quyền). Chính phủ đóng vai trò quyết định sự thành bại trong chiến tranh, bởi vì chiến tranh là sự nối tiếp của chính trị, là một thứ "chính trị đổ máu". Người ta có thể tìm thấy vô vàn bài học thực tế từ trong lịch sử các nước về tương tác giữa hai mặt đó của chất lượng chính phủ. Có nhiều tiêu chí để đánh giá chất lượng chính phủ, tùy vào bối cảnh văn hoá và thực tế lịch sử phát triển của từng quốc gia và của nhân loại. Những tiêu chí cơ bản trong đó là: (1) *Bản chất chính trị* của chính phủ; (2) *Trình độ pháp luật hoá* của chính phủ; (3) *Cơ cấu và hiệu quả* điều hành của chính phủ.

f) *Thực lực quân sự* là một bộ phận quan trọng của sức mạnh quốc gia. Trong thời chiến, sức mạnh quân sự là yếu tố then chốt, bởi vì sự thắng thua trong chiến tranh đều chủ yếu thông qua giao chiến trên chiến trường. Trong thời bình, khi mà an ninh quốc gia không bị đe dọa, thì vai trò của sức mạnh quân sự có hạ thấp hơn. Khi đó cần giao cho quân đội các nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế và nền khoa học công nghệ quân sự, bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc phòng. Lực lượng quân sự hùng hậu luôn luôn là một sự răn đe đáng kể trước những âm mưu phá hoại và gây rối của ngoại bang cũng như của các lực lượng chống đối trong nước. Vai trò của quân sự là do đặc điểm cơ bản về mặt xã hội của tình hình quốc tế quyết định. Sức mạnh quân sự luôn là một yếu tố cơ bản được tính đến trong chính sách quan hệ quốc tế và nền chính trị quốc tế. Liên bang Nga từ 15 năm trở lại đây không còn là một siêu cường kinh tế nữa, nhưng với tiềm lực quốc phòng to lớn và trình độ khoa học công nghệ quân sự cao của mình, Nga luôn luôn đứng ở vị trí một siêu cường mà tất cả các quốc gia và khối quân sự phải coi trọng. Các yếu tố cơ bản của sức mạnh quân sự là: (1) *quân số và chất lượng quân đội*; (2) *trang thiết bị quân sự*; (3) *năng lực chỉ huy*; (4) *trình độ lý luận quân sự*.

g) *Quan hệ ngoại giao* có vai trò quan trọng trong nâng cao vị thế và sức mạnh quốc gia, đặc biệt là trong thời đại toàn cầu hoá ngày nay. Quan hệ ngoại giao là toàn bộ các hoạt động giao lưu chính thức giữa một quốc gia có chủ quyền với một quốc gia có chủ quyền khác hay một tổ chức quốc tế bao gồm nhiều quốc gia có chủ quyền bằng những phương thức hoà bình dựa trên thông lệ quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích của nước mình. Một nền ngoại

giao chất lượng cao có thể kết hợp một cách hài hoà giữa thủ đoạn và mục tiêu của chính sách ngoại giao với nguồn lực quốc gia hiện có lại với nhau, khai mở các nguồn lực tiềm tàng và chuyển hoá nó thành sức mạnh chính trị thực tiễn. Các lĩnh vực ngoại giao là hết sức rộng lớn, bao gồm ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao quân sự - quốc phòng, ngoại giao văn hoá v.v... Mỗi một lĩnh vực ngoại giao trên đều góp phần vào sức mạnh tổng hợp quốc gia.

4. Nhận xét

Tóm lại, sức mạnh tổng hợp quốc gia là một khái niệm quan trọng cả về mặt lý thuyết lẫn mặt thực tiễn trong nghiên cứu quốc tế. Sức mạnh đó bao gồm nhiều yếu tố cơ bản có giá trị khác nhau và kết hợp lại với nhau theo những cách thức nhất định. Nếu giới tinh hoa của quốc gia biết cách khai thác một cách hiệu quả các yếu tố đó, cả nguồn lực vật chất lẫn nguồn lực tinh thần, thì sức mạnh đó của một dân tộc có thể nhân lên nhiều lần, và ngược lại. Các học giả Phương Tây phân hạng các *cường quốc* theo sức mạnh thành 4 nhóm: (1) *Siêu cường* (Hyperpower, như Mỹ), (2) *cường quốc* (Superpower, như Liên Xô cũ, đế quốc Anh trước đây), (3) *đại quốc* (Great Power, như nước Anh, Nhật Bản, Đức, Trung Quốc), (4) *cường quốc trung bình* (Middle Power, như Canada, Australia, Brazil).

Nhận thức mới về so sánh sức mạnh quốc gia tất yếu dẫn đến sự điều chỉnh chiến lược của các quốc gia, hình thành nên một diện mạo sức mạnh tổng hợp quốc gia mới dựa trên nền tảng tiềm lực kinh tế để tranh đoạt ưu thế chiến lược toàn cầu, trong đó nhân tố địa lý hay vị trí địa lý của quốc gia trên bản đồ địa chính trị thế

giới là một trong những yếu tố nên tảng được tính đến. Trong một bối cảnh quốc tế như vậy, điều tất yếu là Việt Nam đang nằm trong toan tính của các cường quốc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thế giới, bởi vì Việt Nam có vị trí địa chiến lược trọng yếu ở Đông và Đông Nam Á. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam qua 20 năm đổi mới đã đem lại nhiều chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế quốc tế của mình. Nhưng ai cũng rõ nước ta vẫn chỉ có *tiềm năng trở thành cường quốc* mà thôi. Giấc mơ trở thành cường quốc biết bao giờ trở thành hiện thực? Vấn đề đặt ra ở đây là, trong bối cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi ngày nay nhờ thành tựu đổi mới kinh tế và chính sách đối ngoại, làm thế nào "*cuối*" được cơn gió mạnh thuận chiều mà nhân lên được sức mạnh của đất nước, để không những củng cố vững chắc nền độc lập, mà còn phát huy ngày càng mạnh mẽ sức ảnh hưởng của nước ta trên bàn cờ sức mạnh thế giới. Điều đó phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng hoạch định chiến lược phát triển của giới tinh hoa (giới chính khách, doanh nhân, tướng lĩnh, giới ngoại giao và giới khoa học) và sự đồng tâm nhất trí của toàn dân.⁹ ■

Tài liệu tham khảo:

1. Alemann, U. (ed.): Politikwissenschaftliche Methoden (Phương pháp nghiên cứu khoa học chính trị). Bonn. 1995.
2. Berrg-Schlosser, D.: Makro-qualitative vergleichende Methoden (Phương pháp so sánh định chất vĩ mô), trong: Kropp, S./ Minkenberg M. (ed.): Vergleichen in der Politikwissenschaft (Phương pháp so sánh trong khoa học chính trị), Wiesbaden 2005.
3. Dosch, J./ Mols, M. (eds.): International Relations in the Asia-Pacific. Hamburrg . New York 2000.
4. Girard, M./ Eberwein, W.-D./ Webb, K. (ed.): Theory and Practice in Foreign Policy-Making. London 1994.
5. Hồ An Cường (cb): Trung Quốc - Những chiến lược lớn. Người dịch: Trần Khang, Bùi Xuân Tấn. Hà Nội 2003.
6. Lacoste, Y. (ed.): Geopolitik (Địa chính trị - Phê phán các quan niệm không gian chính trị). Wien Promedia 2001.
7. Larsen, S.U./ Zimmermann, E. (ed.): Theorien und Methoden in den Sozialwissenschaften (Lý thuyết và phương pháp trong khoa học xã hội), Wiesbaden 2003.
8. Lương Văn Kế: Nhập môn Khu vực học. Tập bài giảng dành cho sinh viên ngành Quốc tế học/ Khu vực học, Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, 2006.
9. Vương Ân Vịnh/ Vương Chấn Nghị: Chính trị địa lý học (Địa lý học chính trị), Bắc Kinh, 1999.
10. http://en.wikipedia.org/wiki/Comprehensive_National_Power

Chú thích:

- 1) Một số học giả cố gắng kết hợp phương pháp định lượng với phương pháp phân tích định tính (chất lượng), ví dụ Hồ An Cường và các tác giả sách: Trung Quốc - Những Chiến lược lớn. Trần Khang, Bùi Xuân Tấn dịch. Hà Nội 2003, tr. 78-81.
- 2) Khái niệm sức mạnh/ quyền lực chính trị (political power) của Phương Tây trong quan hệ quốc tế có thể mang mấy ý nghĩa khác nhau: (1) sức mạnh là mục tiêu của nhà nước hoặc của người lãnh đạo, (2) sức mạnh là thước đo mức độ ảnh hưởng hay sự kiểm soát đối với thành quả, chủ thể hành động và tình hình, (3) sức mạnh là chiến thắng trong xung đột và đạt được an ninh, (4) sức mạnh là sự kiểm soát đối với các nguồn lực và tiềm lực.
- 3) http://en.wikipedia.org/wiki/Comprehensive_National_Power
- 4) Xem: Hồ An Cường (chủ biên): Trung Quốc - Những chiến lược lớn. Người dịch: Trần Khang, Bùi Xuân Tấn. Hà Nội 2003, tr. 60-66.
- 5) Năm 1980 (mới bắt đầu cải cách), Trung Quốc chỉ chiếm 4,736% toàn bộ sức mạnh tổng hợp của thế giới, thấp hơn Liên Xô và Nhật Bản, bằng 1/5 của Mỹ. Năm 1998, tỉ lệ đó là 3,782% xếp thứ 2 trên thế giới, bằng 1/3 của Mỹ. (X. Hồ An Cường (cb): Trung Quốc - Những chiến lược lớn. Trần Khang, Bùi Xuân Tấn dịch, Hà Nội 2003, tr. 83). Hiện nay (năm 2007) sự chênh lệch này đã rút ngắn hơn nữa, có lẽ bằng khoảng trên 1/2 của Mỹ. Đó là vì Trung Quốc đã có sự phát triển vượt bậc cả về kinh tế (GDP khoảng 2000 tỉ USD, nền quốc phòng được tăng cường, trình độ công nghệ có bước tiến vượt bậc với việc phóng thành công tàu vũ trụ có người lái và tên lửa diệt vệ tinh).
- 6) Ông đã từng là trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách an ninh quốc tế, Chủ tịch Hội đồng tình báo quốc gia (National Intelligence Council).
- 7) Thực ra, tiền đề ra đời khái niệm sức mạnh mềm sớm hơn nhiều. Vì nhà nghiên cứu người Mỹ E. H. Carr ngay từ năm 1939 đã phân loại sức mạnh quốc tế thành ba nhóm là: quân sự, kinh tế và sức mạnh tư tưởng (power over opinion)/ tức là sức mạnh mềm. Tham khảo: http://en.wikipedia.org/wiki/Comprehensive_National_Power
- 8) Cuộc chiến Iraq lần 2 (từ tháng 5/2003 đến tháng 12/2005) của Mỹ và đồng minh có mức tổn thất kinh tế khổng lồ: 226 tỷ USD, nghĩa là mỗi tháng tổn 6 tỷ USD. Việc duy trì một đội quân chiếm đóng gần 200 nghìn binh sĩ với trang thiết bị hiện đại nhất ở Iraq cần một khoản chi hàng trăm triệu đôla mỗi ngày.
- 9) Xin theo dõi bài: Phương pháp xác định sức mạnh tổng hợp quốc gia.